

PHỤ LỤC PL01/QT.HĐ.005

**QUY ĐỊNH NIÊM YẾT VỀ TIỀN GỬI CÁ NHÂN
TẠI ABBANK**

I. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Đối tượng gửi tiền

1.1 Tiền gửi tiết kiệm

- a) Công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi trở lên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật;
- b) Công dân Việt Nam từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc không mất năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật được tự mình thực hiện giao dịch liên quan đến tiền gửi tại ABBank;
- c) Công dân Việt Nam bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc mất năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật hoặc chưa đủ 15 tuổi thực hiện giao dịch tiền gửi thông qua người đại diện theo pháp luật; Công dân Việt Nam có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định của pháp luật; Công dân Việt Nam có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định của pháp luật thực hiện giao dịch tiền gửi thông qua người giám hộ.

1.2 Tiền gửi có kỳ hạn

- a) Công dân Việt Nam, bao gồm:
 - Người cư trú là cá nhân;
 - Người không cư trú theo quy định pháp lệnh ngoại hối từng thời kỳ.
- b) Cá nhân nước ngoài, bao gồm:
 - Người cư trú là cá nhân;
 - Người không cư trú: Cá nhân nước ngoài được phép cư trú tại Việt Nam với thời hạn từ 6 (sáu) tháng trở lên, thể hiện tại giấy tờ xác minh thông tin còn hiệu lực do KH cung cấp.

2. Phạm vi nhận gửi tiền

2.1 Phạm vi nhận gửi tiền tiết kiệm

- a) Công dân Việt Nam được gửi tiền tiết kiệm bằng đồng Việt Nam;
- b) Công dân Việt Nam là người cư trú được gửi tiết kiệm bằng ngoại tệ.

2.2 Phạm vi nhận tiền gửi có kỳ hạn

Công dân Việt Nam, cá nhân nước ngoài được phép cư trú tại Việt Nam với thời hạn từ 6 (sáu) tháng trở lên được gửi tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ, thông qua văn bản thỏa thuận tiền gửi có kỳ hạn là Hợp đồng tiền gửi (HĐTG).

3. Hình thức tiền gửi

- 3.1 Hình thức tiền gửi bao gồm: Tiền gửi có kỳ hạn và tiền gửi tiết kiệm.
- 3.2 Hình thức tiền gửi tiết kiệm phân loại theo kỳ hạn gửi tiền bao gồm: tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn và tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn.
- 3.3 Các hình thức tiền gửi cá nhân khác theo quy định ABBank từng thời kỳ phù hợp quy định pháp luật.

4. Phương thức nhận tiền gửi

4.1 Tiền gửi tiết kiệm

- a) Nhận tiền mặt trực tiếp tại quầy giao dịch của ABBank; hoặc;
- b) Nhận tiền chuyển khoản từ tài khoản của (các) KH mở tại ABBank: trực tiếp tại quầy hoặc qua các phương tiện điện tử theo chính sách sản phẩm của ABBank ban hành trong từng thời kỳ và tuân thủ theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

4.2 Tiền gửi có kỳ hạn: Nhận tiền chuyển khoản từ tài khoản của (các) KH mở tại ABBank.

5. Số tiền gửi tối thiểu, đồng tiền nhận và chi trả

5.1 Số tiền gửi tối thiểu: Theo chính sách của ABBank ban hành trong từng thời kỳ đối với từng sản phẩm tiền gửi tiết kiệm cụ thể hoặc theo quy định của pháp luật (nếu có). Trong trường hợp pháp luật và chính sách sản phẩm của ABBank không có quy định thì số tiền gửi tối thiểu áp dụng như sau:

- a) Đối với VND là 500.000 (Năm trăm ngàn đồng);
- b) Đối với USD là 50 USD (Năm mươi đô la Mỹ);
- c) Đối với loại ngoại tệ khác USD thì thực hiện quy định của ABBank ban hành trong từng thời kỳ.

5.2 Đồng tiền ABBank nhận tiền gửi: VND, USD và các loại ngoại tệ khác (các loại ngoại tệ ngoài USD thực hiện theo các quy định do Tổng Giám đốc ABBank ban hành từng thời kỳ).

5.3 Đồng tiền chi trả tiền gửi

- a) Đồng tiền chi trả tiền gửi là loại đồng tiền mà KH đã gửi;
- b) Đối với ngoại tệ lẻ, ABBank sẽ chi trả cho KH số lượng ngoại tệ lẻ nếu ABBank có đủ số lượng ngoại tệ lẻ ngay tại thời điểm chi trả. Trường hợp ABBank không có đủ nguồn ngoại tệ lẻ, ABBank sẽ chi trả cho KH bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua chuyển khoản do ABBank quy định tại thời điểm chi trả;
- c) Trường hợp KH gửi tiền bằng ngoại tệ, nhưng muốn rút ra bằng VND thì KH bán ngoại tệ cho ABBank với tỷ giá mua chuyển khoản do ABBank quy định tại thời điểm chi trả.

6. Thủ tục gửi tiền gửi tại địa điểm giao dịch của ABBank: Các giấy tờ xuất trình cho ABBank để thực hiện các giao dịch liên quan đến tiền gửi phải là giấy tờ bản gốc và còn hiệu lực theo quy định pháp luật tại thời điểm xác lập và thực hiện giao dịch.

6.1 Thủ tục gửi tiền lần đầu

- a) Địa điểm thực hiện: (Các) KH phải trực tiếp thực hiện giao dịch gửi tiền tại bất kỳ địa điểm giao dịch thuộc mạng lưới của ABBank;
- b) Thủ tục thực hiện:
 - KH xuất trình bản gốc giấy tờ xác minh thông tin theo quy định ABBank.
 - (Các) KH phải đăng ký chữ ký mẫu phục vụ cho giao dịch tiền gửi tại ABBank.
 - Khách hàng có trách nhiệm kiểm tra các yếu tố (bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin: họ tên, thông tin giấy tờ xác minh thông tin, địa chỉ, số tiền, kỳ hạn, lãi suất) ghi trên bộ chứng từ và TTK/HĐTG do ABBank ban hành theo từng thời kỳ.
 - Trường hợp gửi tiền tiết kiệm chung, ABBank hướng dẫn Khách hàng đăng ký và lập thỏa thuận gửi tiền gửi chung tiết kiệm theo mẫu của ABBank từng thời kỳ.
 - Các trường hợp khác thực hiện theo quy định ABBank từng thời kỳ.

6.2 Thủ tục gửi thêm tiền vào TTK đã cấp

- a) Đối với tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn, việc gửi thêm tiền được thực hiện vào tất cả các ngày làm việc của ABBank;
- b) Đối với sản phẩm tiền gửi tiết kiệm không có tính năng gửi thêm trong kỳ hạn gửi tiền: Khi gửi thêm tiền KH phải tắt toán TTK cũ và mở TTK mới theo kỳ hạn KH yêu cầu;
- c) Đối với sản phẩm tiền gửi có tính năng gửi thêm tiền tích lũy trong kỳ hạn gửi tiền, việc gửi tiền gửi vào TTK được thực hiện như sau:
 - Thực hiện nộp trực tiếp tại điểm giao dịch thuộc mạng lưới ABBank: KH cung cấp giấy tờ tùy thân và TTK/Đề nghị xác nhận/hủy xác nhận mất/không còn nguyên vẹn, ABBank hạch toán theo quy định;
 - Thực hiện nộp thêm tiền thông qua các phương tiện điện tử của ABBank: Onlinebanking, AB Ditizen, ATM, đặt lệnh chuyển tiền tự động... tùy theo quy định của sản phẩm tiền gửi có tính năng tích lũy để nộp thêm tiền tích lũy vào TTK. KH có thể đến CN/PGD bất kỳ của ABBank trên toàn quốc để được cung cấp sao kê giao dịch tài khoản tiền gửi tiết kiệm/in thông tin giao dịch nộp thêm tiền lên TTK đã cấp theo yêu cầu.

7. Lãi suất, nguyên tắc tính lãi và phương thức trả lãi tiền gửi

7.1 Lãi suất tiền gửi:

- a) Lãi suất áp dụng do ABBank quy định cho từng sản phẩm, đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật;
- b) Lãi suất tiền gửi được quy đổi theo tỷ lệ %/năm, niêm yết theo quy định pháp luật từng thời kỳ, trên cơ sở 1 năm có 365 ngày (hoặc cơ sở tính lãi khác theo quy định của pháp luật và ABBank từng thời kỳ);
- c) Thời gian sử dụng để quy đổi mức lãi suất tính lãi theo tỷ lệ %/tháng, %/tuần, %/giờ sang mức lãi suất theo tỷ lệ %/ngày; quy đổi mức lãi suất theo tỷ lệ %/ngày sang mức lãi suất theo tỷ lệ %/năm và ngược lại được tính như sau:

- Một năm là ba trăm sáu mươi lăm ngày;
- Một tháng là ba mươi ngày;
- Một tuần là bảy ngày;
- Một ngày là hai mươi tư giờ.

7.2 Phương pháp tính lãi:

a) Đối với tiền gửi có số dư thực tế không thay đổi trong thời hạn tính lãi:

- Tiền lãi được tính theo số ngày thực tế, trên cơ sở 365 ngày/năm, số ngày thực tế là số ngày được tính bắt đầu từ ngày KH gửi tiền vào ngân hàng cho đến hết ngày liền kề trước ngày KH tắt toán hết khoản tiền gửi (tính ngày đầu, bỏ ngày cuối);
- Công thức tính lãi: Tiền lãi mà KH được nhận tính như sau:

$$I = \frac{M * R * T}{365}$$

Trong đó:

- I: Tổng số tiền lãi;
M : Số tiền gửi trong kỳ;
R : Lãi suất của kỳ hạn gửi (%/năm);
T : Số ngày gửi thực tế của KH.

b) Đối với TTK/HĐTG có số dư thay đổi trong thời hạn tính lãi:

$$I_i = \frac{M_i * R_i * T_i}{365}$$

$$I = \sum I_i$$

Trong đó:

- I_i : Số tiền lãi được hưởng tương ứng với số tiền gửi M_i và thời gian T_i ;
 M_i : Số tiền gửi thêm trong khoảng thời gian T_i ;
 T_i : Số ngày duy trì thực tế khoản tiền gửi M_i ;
 R_i : Lãi suất của kỳ hạn gửi tương ứng với số tiền gửi thêm M_i và thời gian T_i ;
I : Tổng số tiền lãi KH được nhận trong kỳ.

8. Các hình thức trả lãi tiền gửi

8.1 Trả lãi trước: Lãi được thanh toán trước một lần ngay tại thời điểm KH gửi tiền gửi tiết kiệm/tiền gửi có kỳ hạn. Lãi suất áp dụng trong trường hợp trả lãi trước khi quy đổi ra lãi suất trả sau đảm bảo không vượt trần theo quy định của Ngân hàng nhà nước từng thời kỳ. Trường hợp KH lựa chọn sản phẩm trả lãi trước, nếu KH rút tiền gửi/tiền gửi có kỳ hạn trước hạn thì KH phải hoàn trả số tiền bằng (=) số tiền lãi có kỳ hạn đã lĩnh trước đó trừ đi (-) số tiền lãi được nhận khi rút trước hạn (khi rút trước hạn KH được hưởng lãi

không kỳ hạn thấp nhất tại thời điểm rút tiền) cho ABBank tùy theo quy định của ABBank theo từng thời kỳ.

8.2 Trả lãi cuối kỳ: Lãi được thanh toán một lần cùng với gốc vào ngày đến hạn của TTK/HĐTG. Đối với hình thức tiền gửi trả lãi cuối kỳ, tại thời điểm mở TTK/HĐTG, KH được phép lựa chọn nhận lãi tiền gửi theo một trong các hình thức sau:

- a) Nhận lãi, gốc quay vòng (chỉ áp dụng đối với TTK): Khi đến hạn thanh toán tiền gửi, tiền lãi của KH được trả bằng tiền mặt hoặc được trả vào tài khoản thanh toán cá nhân của KH tại ABBank theo chỉ định của KH tại thời điểm gửi tiền ban đầu phù hợp với quy định. Trường hợp KH lựa chọn nhận tiền lãi bằng tiền mặt nhưng đến hạn KH không đến ABBank nhận tiền, ABBank sẽ chuyển toàn bộ số tiền lãi KH được nhận vào tài khoản trung gian giữ hộ của KH tại ABBank cho đến khi KH đến làm thủ tục nhận tiền, số tiền gốc sẽ được chuyển sang kỳ hạn mới tương đương với kỳ hạn cũ với mức lãi suất tại thời điểm tiền gửi đến hạn.
- b) Lãi nhập gốc quay vòng (chỉ áp dụng đối với TTK): Khi đến hạn thanh toán tiền gửi, nếu KH không đến lĩnh tiền (gốc và lãi) thì phần lãi sẽ được nhập gốc và toàn bộ số tiền này sẽ được chuyển sang kỳ hạn mới tương đương với kỳ hạn cũ, với mức lãi suất tại thời điểm khoản tiền gửi đến hạn;
- c) Lãi nhận cùng gốc vào ngày đến hạn (không quay vòng): Khi đến hạn thanh toán, tiền lãi của KH sẽ được nhập gốc và toàn bộ khoản tiền gửi của KH (bao gồm cả gốc và lãi) sẽ được tự động tắt toán và chuyển cho KH theo hình thức:
 - Đối với HĐTG: Chuyển vào tài khoản thanh toán cá nhân của KH tại ABBank theo chỉ định của KH tại thời điểm gửi tiền ban đầu;
 - Đối với TTK: KH trực tiếp đến điểm giao dịch thuộc mạng lưới của ABBank thực hiện nhận tiền lãi và gốc bằng tiền mặt/lập đề nghị tắt toán chuyển vào TKTT vào ngày đến hạn nếu KH có thỏa thuận với ABBank. Trường hợp KH lựa chọn nhận gốc và lãi bằng tiền mặt nhưng đến hạn KH không đến ABBank nhận tiền, ABBank sẽ chuyển toàn bộ số tiền gốc và lãi KH được nhận vào tài khoản trung gian giữ hộ của KH tại ABBank cho đến khi KH đến ABBank làm thủ tục nhận tiền.

8.3 Trả lãi định kỳ

- a) Lãi được thanh toán vào một ngày cố định định kỳ (hàng tháng, hàng quý, ...) trong suốt kỳ hạn gửi của TTK/HĐTG. Tiền lãi định kỳ của KH được trả bằng tiền mặt (chỉ áp dụng đối với TTK) hoặc được trả vào tài khoản thanh toán cá nhân của KH tại ABBank theo chỉ định của KH tại thời điểm gửi tiền ban đầu. Trường hợp KH lựa chọn nhận tiền lãi định kỳ bằng tiền mặt nhưng đến định kỳ lĩnh lãi KH không đến ABBank nhận tiền, ABBank sẽ chuyển toàn bộ số tiền lãi KH được nhận vào tài khoản trung gian giữ hộ của KH tại ABBank cho đến khi KH đến làm thủ tục nhận tiền.
- b) Trường hợp KH rút TTK/HĐTG trước hạn thì KH phải hoàn trả số tiền bằng (=) số tiền lãi có kỳ hạn đã lĩnh trước đó trừ đi (-) số tiền lãi được nhận khi rút trước hạn (khi rút tiền gốc trước hạn KH được hưởng lãi không kỳ hạn thấp nhất tại thời điểm rút tiền) cho ABBank tùy theo quy định của ABBank theo từng thời kỳ.

Lưu ý: Đối với HĐTG có kỳ hạn KH chỉ được nhận lãi tiền gửi thông qua tài khoản thanh toán của chính KH mở tại ABBank.

9. Thanh toán tiền gửi

9.1 Thủ tục thanh toán tiền gửi

9.1.1 Trường hợp KH rút gốc, lãi của TTK/HĐTG tại quầy, Khách hàng thực hiện các thủ tục sau:

- Xuất trình TTK/HĐTG bản chính hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương theo Quy định của ABBank ban hành trong từng thời kỳ;
- Xuất trình Giấy tờ xác minh thông tin (giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn hiệu lực hoặc giấy khai sinh của cá nhân chưa đủ 14 tuổi; Thị thực/ Thẻ tạm trú do cơ quan quản lý xuất nhập cảnh hoặc cơ quan có thẩm quyền của Bộ ngoại giao cấp/ Thẻ thường trú do cơ quan quản lý xuất nhập cảnh cấp/ các giấy tờ khác xác định thời hạn được phép cư trú của cá nhân của Việt Nam...) và các giấy tờ khác theo quy định của ABBank;
- Lập đề nghị tắt toán theo mẫu biểu do ABBank ban hành và thực hiện các thủ tục khác do ABBank quy định theo từng thời kỳ.
- Trong mọi trường hợp KH tắt toán TTK/HĐTG, ĐVKD phải kiểm tra, đối chiếu kỹ các nội dung trên TTK/HĐTG và giấy tờ xác minh thông tin của KH, đảm bảo khớp đúng với thông tin trên hệ thống (hệ thống T24; Smartform...) của ABBank và chỉ thực hiện chi trả tiền cho KH sau khi đã thu hồi bản chính TTK/HĐTG/giấy tờ có giá trị tương đương từ KH.

9.1.2 Trường hợp KH tắt toán TTK trên tablet và bằng phương tiện điện tử (chỉ áp dụng đối với khoản tiền gửi được chi trả theo hình thức chi trả vào tài khoản thanh toán), KH thực hiện như sau:

- Khách hàng thực hiện yêu cầu tắt toán tiền gửi tiết kiệm trên máy tính bảng. KH xác minh thông tin bằng 1 trong 3 cách sau: nhập số Thẻ căn cước công dân/ Căn cước còn thời hạn hiệu lực/quét mã QR trên VNeID/quét trực tiếp Thẻ căn cước công dân/Căn cước còn thời hạn hiệu lực trên máy đọc thông tin kết nối với máy tính bảng;
- KH lựa chọn sổ tiết kiệm cần tắt toán, nhận tiền theo hình thức chi trả vào tài khoản thanh toán, thực hiện theo hướng dẫn được hiển thị trên máy tính bảng tại ABBank từng thời kỳ.
- Sau khi ABBank nhận sổ tiết kiệm, đối chiếu khớp đúng với thông tin KH đã tạo trên máy tính bảng, hệ thống chi trả tiền vào tài khoản thanh toán của KH.

9.2 Hình thức thanh toán

- Đối với TTK:
 - Gốc: KH trực tiếp nhận chi trả tại điểm giao dịch thuộc mạng lưới của ABBank bằng tiền mặt hoặc đề nghị chuyển vào tài khoản thanh toán tại thời điểm tắt toán;
 - Tiền lãi: KH có thể lựa chọn một trong những hình thức thanh toán sau:
 - + Tiền mặt;

- + Chuyển khoản vào tài khoản thanh toán của người gửi tiền mở tại ABBank, theo đó:
 - Đối với gửi tiền tiết kiệm bằng đồng Việt Nam:
 - Công dân Việt Nam là người không cư trú gửi tiền từ tài khoản thanh toán VND của chính mình được phép thỏa thuận với ABBank để chi trả lãi vào tài khoản thanh toán VND của chính người gửi tiền;
 - Công dân Việt Nam là người cư trú: Người gửi tiền và ABBank được phép thỏa thuận chi trả lãi vào tài khoản thanh toán VND của chính người gửi tiền.
 - Đối với gửi tiền tiết kiệm bằng đồng ngoại tệ: Công dân Việt Nam là người cư trú, gửi tiền từ TKTT của chính người gửi tiền, người gửi tiền và ABBank được phép thỏa thuận chi trả lãi vào tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ tương ứng của chính người gửi tiền.
- b) Đối với HĐTG có kỳ hạn: KH nhận chi trả gốc, lãi thông qua tài khoản thanh toán của chính KH đó mở tại ABBank.

Lưu ý: Trường hợp tiền gửi chung, tài khoản thanh toán dùng để thanh toán gốc lãi là tài khoản thanh toán chung của tất cả người gửi tiền.

9.3 Thời gian thanh toán

- a) Đối với tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn/tiền gửi có kỳ hạn:
 - Thanh toán gốc:
 - + KH được thanh toán gốc vào ngày đến hạn của TTK/HĐTG;
 - + Trường hợp ngày đến hạn của TTK/HĐTG trùng với ngày nghỉ, ngày nghỉ lễ thì ngày thanh toán (ngày đến hạn thực tế) được xác định là ngày làm việc đầu tiên sau ngày nghỉ, ngày nghỉ lễ đó và được hưởng mức lãi suất có kỳ hạn của chính kỳ hạn đó cho số ngày kéo dài;
 - + Trường hợp vào ngày chi trả, TKTT của KH bị tạm khóa, phong tỏa, đóng và không có yêu cầu gì khác thì số tiền gốc sẽ được ABBank chuyển vào tài khoản trung gian giữ hộ của chính KH tại ABBank cho đến khi KH đến thực hiện yêu cầu khác.
 - Thanh toán lãi:
 - + Ngày thanh toán lãi phụ thuộc vào hình thức trả lãi KH lựa chọn;
 - + Trường hợp ngày đến hạn thanh toán lãi định kỳ trùng với ngày nghỉ, ngày nghỉ lễ thì KH được rút lãi vào ngày làm việc đầu tiên sau ngày nghỉ, ngày nghỉ lễ đó;
 - + Trường hợp đến hạn thanh toán lãi, KH không đến lĩnh lãi, ABBank sẽ chuyển toàn bộ số tiền lãi KH được nhận vào tài khoản trung gian giữ hộ của KH tại ABBank cho đến khi KH đến ABBank làm thủ tục nhận tiền;
 - + Các trường hợp trả lãi khác do ABBank quy định cụ thể từng thời kỳ và theo từng loại sản phẩm.
- b) Đối với tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn: KH được thanh toán gốc và lãi tất cả các ngày làm việc của ABBank.

- c) Đối với các hình thức gửi tiền khác do TGD/người được TGD ủy quyền quy định cụ thể theo từng thời kỳ.

9.4 Rút trước hạn tiền gửi

- a) Khách hàng được phép rút trước hạn toàn bộ hoặc một phần tiền gửi. Việc rút trước hạn toàn bộ hoặc một phần tiền gửi sẽ được ABBank quy định cụ thể theo từng loại sản phẩm;
- b) Đối với tiền gửi có kỳ hạn, lãi suất rút trước hạn là lãi suất không kỳ hạn thấp nhất tính tại thời điểm rút tiền và theo quy định của ABBank từng thời kỳ, theo đó:
- Trường hợp KH rút trước hạn toàn bộ tiền gửi: lãi suất rút trước hạn là lãi suất không kỳ hạn thấp nhất tính tại thời điểm rút tiền và theo quy định của ABBank từng thời kỳ;
 - Trường hợp KH rút trước hạn một phần tiền gửi, mức lãi suất KH được hưởng như sau:
 - + Đối với phần tiền gửi rút trước hạn, KH được hưởng mức lãi suất tối đa bằng mức lãi suất tiền gửi không kỳ hạn thấp nhất tại thời điểm khách hàng rút trước hạn tiền gửi;
 - + Đối với phần tiền gửi còn lại, KH được áp dụng mức lãi suất theo thỏa thuận ban đầu giữa KH và ABBank đến ngày đến hạn tiền gửi.

9.5 Kéo dài kỳ hạn gửi tiết kiệm (tái tục)

- a) Vào ngày đến hạn của khoản tiền gửi, KH không đến rút tiền và không có yêu cầu gì khác, căn cứ chỉ định tái tục tại “Phiếu nộp tiền mặt” hoặc mẫu biểu khác theo quy định của ABBank từng thời kỳ, khoản tiền gửi có kỳ hạn của KH sẽ được tự động kéo dài thêm một kỳ hạn mới như kỳ hạn ban đầu. Nếu tại thời điểm đó ABBank không huy động loại kỳ hạn KH đã gửi trước đó, thì toàn bộ tiền gốc và/hoặc lãi của KH sẽ kéo dài thêm một kỳ hạn bằng kỳ hạn ngắn hơn liền kề theo quy định của ABBank. Theo đó:
- Mức lãi suất được áp dụng cho kỳ hạn gửi mới là mức lãi suất niêm yết tại thời điểm bắt đầu của kỳ hạn mới;
 - Trường hợp tiền gửi tiết kiệm có hình thức trả lãi trước: Không áp dụng kéo dài kỳ hạn gửi (không tái tục), tiền gốc sẽ được chuyển sang tài khoản trung gian giữ hộ của KH tại ABBank cho đến khi KH đến ABBank làm thủ tục nhận tiền.
- b) Trường hợp ngày đến hạn/ngày tái tục trùng vào ngày nghỉ, ngày nghỉ lễ thì ngày đến hạn/ngày tái tục sẽ được chuyển sang ngày làm việc đầu tiên sau ngày nghỉ, ngày nghỉ lễ, việc chi trả tiền gốc và/hoặc lãi tiền gửi sẽ được thực hiện vào ngày này.
- c) Trường hợp KH có nhu cầu lựa chọn ngày đến hạn các kỳ tái tục là ngày đến hạn kỳ đầu tiên in trên TTK thì Trường đơn vị/GĐ/PGĐ VH&DVKH/KSV có thể linh hoạt phê duyệt thực hiện giao dịch theo nhu cầu của KH tại thời điểm thực hiện giao dịch tắt toán TTK.
- d) Các trường hợp khác theo quy định ABBank từng thời kỳ.

10. Tra cứu khoản tiền gửi thông qua các kênh tra cứu sau

10.1 Tại bất kỳ CN/PGD của ABBank trên toàn quốc;

10.2 KH vào trang website của ABBank: www.ABBank.vn đăng ký thông tin và thực hiện tra cứu các khoản tiền gửi theo quy định của ABBank ban hành từng thời kỳ;

- 10.3 Đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử của ABBank (Internet Banking (Online Banking), Mobile Banking (AB DITIZEN)) để sử dụng dịch vụ và tra cứu;
- 10.4 Thông báo biến động số dư tiền gửi: KH có thể nhận được thông báo biến động số dư tiền gửi thông qua đăng ký sử dụng dịch vụ SMS Banking hoặc dịch vụ khác theo thông báo của ABBank từng thời kỳ.

11. Sử dụng TTK/HĐTG do ABBank phát hành làm tài sản bảo đảm

- 11.1 KH được phép sử dụng TTK/HĐTG mở tại ABBank làm tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ tại ABBank và tại các TCTD khác (nếu được TCTD đó chấp thuận) theo quy định của ABBank, của các TCTD đó và các quy định của pháp luật;
- 11.2 Khi sử dụng TTK/HĐTG làm tài sản cầm cố tại ABBank, chủ sở hữu tiền gửi hoặc đồng chủ sở hữu tiền gửi chung phải cam kết trường hợp đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ thì ABBank có quyền trích tiền từ TTK/HĐTG của KH cầm cố để thực hiện nghĩa vụ (kể cả các TTK/HĐTG có quy định không được rút vốn trước hạn) và KH phải thanh toán phí rút trước hạn theo quy định của sản phẩm tiết kiệm (nếu có);
- 11.3 Trong trường hợp KH sử dụng TTK/HĐTG do ABBank phát hành làm tài sản bảo đảm tại TCTD khác, KH phải có văn bản cam kết đồng ý cho ABBank phong tỏa TTK/HĐTG theo yêu cầu của bên nhận bảo đảm.

12. Phong tỏa Tiền gửi

ABBank thực hiện việc phong tỏa Hợp đồng tiền gửi khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- 12.1 Theo yêu cầu bằng văn bản của KH.
- 12.2 Theo yêu cầu bằng văn bản của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- 12.3 KH dùng Hợp đồng tiền gửi/ TTK làm tài sản đảm bảo thực hiện nghĩa vụ tại ABBank hoặc các Tổ chức tín dụng khác (đã có sự đồng ý bằng văn bản của KH).
- 12.4 Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
- 12.5 Sau khi thực hiện phong tỏa Hợp đồng tiền gửi, ABBank thông báo cho KH theo các hình thức phù hợp quy định nội bộ ABBank và quy định pháp luật.

13. Thực hiện các giao dịch liên quan đến tiền gửi thông qua ủy quyền

13.1 Nguyên tắc thực hiện ủy quyền

- a) Chủ sở hữu tiền gửi có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác thay mình thực hiện các giao dịch liên quan đến tiền gửi tại ABBank, trừ trường hợp Quy định này hoặc chính sách sản phẩm của ABBank hoặc pháp luật có quy định khác;
- b) ABBank không chấp nhận việc ủy quyền cho người khác thay mình thực hiện các giao dịch tiền gửi trong các trường hợp sau:
 - Người giám hộ (Đối với tiền gửi có người giám hộ) ủy quyền cho người khác thực hiện các giao dịch liên quan đến tiền gửi của người được giám hộ;

- Chủ sở hữu TTK/HĐTG ủy quyền cho người khác thực hiện các giao dịch cầm cố cổ TTK/HĐTG cho mục đích vay vốn tại ABBank;
- Người được ủy quyền (NĐUQ), ủy quyền lại cho người thứ ba;
- Một TTK/HĐTG ủy quyền cho nhiều người (từ 02 (hai) người trở lên).

13.2 Yêu cầu về văn bản ủy quyền

- a) Văn bản ủy quyền thực hiện theo mẫu của ABBank ban hành từng thời kỳ.
- b) Trường hợp KH thực hiện việc ủy quyền tại chi nhánh/phòng giao dịch của ABBank. Văn bản ủy quyền cần được lập tại quầy giao dịch, nơi có camera giám sát, GDV/KSV có trách nhiệm hướng dẫn KH thực hiện các thủ tục ủy quyền, chứng kiến việc ký ủy quyền, kiểm tra thông tin KH trên hồ sơ, đối chiếu với thông tin trên hệ thống đảm bảo tính chính xác và phải có xác nhận của người có thẩm quyền đại diện của ABBank;
- c) Trường hợp văn bản ủy quyền do KH lập ngoài địa điểm kinh doanh của ABBank.
 - Trong trường hợp này, việc ủy quyền phải đảm bảo tuân thủ: lập dưới dạng hợp đồng/thỏa thuận (có đầy đủ chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền); phải được công chứng tại tổ chức hành nghề công chứng hợp pháp hoặc chứng thực Hợp đồng tại Ủy ban nhân dân cấp huyện/Ủy ban nhân dân cấp xã, hoặc cơ quan khác đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật;
 - Trường hợp KH và Người được ủy quyền không thể đến cùng một địa điểm để lập Văn bản ủy quyền, KH có thể lập Văn bản ủy quyền tại tổ chức hành nghề công chứng nơi KH cư trú. Sau đó KH gửi Văn bản ủy quyền cho Người được ủy quyền tiếp tục thủ tục công chứng nhận ủy quyền tại Tổ chức hành nghề công chứng tại nơi Người được ủy quyền cư trú.
 - Trường hợp người ủy quyền đang ở nước ngoài: KH thực hiện lập văn bản ủy quyền tại cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam tại nước đó và thực hiện thủ tục công chứng văn bản ủy quyền, sau đó gửi bản gốc văn bản ủy quyền về Việt Nam để người được ủy quyền tiếp tục thủ tục công chứng nhận ủy quyền tại Tổ chức hành nghề công chứng tại Việt Nam.
 - Trường hợp văn bản ủy quyền được lập bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch thuật công chứng sang tiếng Việt tại tổ chức hành nghề công chứng;
- d) Nội dung văn bản ủy quyền phải đầy đủ các yếu tố cơ bản sau: Họ và tên, địa chỉ, thông tin Giấy tờ xác minh thông tin và chữ ký của người ủy quyền, người được ủy quyền, nội dung phạm vi ủy quyền phù hợp với giao dịch, thời hạn ủy quyền.
- e) Đối với trường hợp người không viết được/không đọc được/không ký được: nếu KH ủy quyền cho người khác thực hiện các giao dịch liên quan đến TTK/HĐTG thì ĐVKD giải thích, hướng dẫn KH thực hiện văn bản ủy quyền tại Tổ chức hành nghề công chứng.

14. Chuyển quyền sở hữu

14.1 Nguyên tắc chuyển giao quyền sở hữu

- a) Chủ sở hữu TTK/HĐTG được quyền chuyển giao quyền sở hữu TTK/HĐTG cho người nhận chuyển quyền sở hữu (NNCQ) là một cá nhân, ngoại trừ các trường hợp sau:

- TTK/HĐTĐG có người giám hộ;
 - Người nhận CQSH không thuộc đối tượng được phép nhận tiền gửi tại mục I quy định này;
 - TTK trả lãi trước;
 - Chuyển giao quyền sở hữu 01 (một) phần tiền của TTK/HĐTĐG;
 - Thời hạn hiệu lực của Giấy tờ xác minh thông tin NNCQ là người nước ngoài (gồm người cư trú và người không cư trú) ngắn hơn thời hạn còn lại của HĐTĐG;
 - Chính sách sản phẩm của ABBank có quy định hoặc pháp luật có quy định không được chuyển giao quyền sở hữu tiền gửi.
- b) Người chuyển quyền (NCQ) và NNCQ TTK/HĐTĐG tự thỏa thuận và tự chịu trách nhiệm về các điều khoản chuyển giao quyền sở hữu;
- c) Sau khi hoàn tất thủ tục chuyển giao quyền sở hữu TTK/HĐTĐG, toàn bộ quyền và nghĩa vụ phát sinh liên quan đến TTK/HĐTĐG thuộc về NNCQ. Các ủy quyền (nếu có) phát sinh trước khi chuyển giao quyền sở hữu TTK/HĐTĐG sẽ hết hiệu lực từ khi TTK/HĐTĐG đó hoàn tất thủ tục chuyển giao quyền sở hữu tại ABBank. NCQ không được hủy giao dịch chuyển giao quyền sở hữu đã được ABBank xác nhận;
- d) Đối với tiền gửi chung, việc CQSH phải được sự đồng ý bằng văn bản của tất cả các đồng chủ sở hữu;
- e) ABBank không giới hạn số lần CQSH TTK/HĐTĐG, NNCQ sau khi hoàn tất thủ tục CQSH tiền gửi theo quy định của ABBank được toàn quyền thực hiện tất cả các giao dịch liên quan đến TTK/HĐTĐG nhận CQSH.

14.2 Thủ tục chuyển giao quyền sở hữu

- a) **Địa điểm thực hiện:** NCQ và NNCQ phải trực tiếp thực hiện thủ tục chuyển giao quyền sở hữu TTK/HĐTĐG tại quầy giao dịch, vị trí có camera quan sát của ABBank. NCQ và NNCQ được quyền thực hiện thủ tục chuyển giao quyền sở hữu TTK/HĐTĐG tại bất kỳ ĐVKD nào của ABBank. Đối với tiền gửi chung, việc CQSH được thực hiện tại ĐVKD nơi KH đăng ký gửi tiền chung;
- b) **Hồ sơ cung cấp**
- Giấy tờ xác minh thông tin của NCQ và NNCQ theo quy định tại điều 4 Quy định này;
 - Tất cả bản gốc TTK/HĐTĐG dự định chuyển giao quyền sở hữu hoặc Đề nghị xác nhận/hủy xác nhận mất/không còn nguyên vẹn TTK/HĐTĐG;
 - Giấy đề nghị CQSH theo mẫu của ABBank ban hành trong từng thời kỳ.
- c) **Thủ tục**
- Thực hiện theo hướng dẫn của ABBank từng thời kỳ.

15. Trường hợp TTK/HĐTĐG bị mất hoặc không còn nguyên vẹn

- 15.1 Trong trường hợp TTK/HĐTĐG bị mất hoặc không còn nguyên vẹn thì KH (chủ sở hữu TTK/HĐTĐG, đồng chủ sở hữu TTK/HĐTĐG, người đại diện hợp pháp của Chủ TK/HĐTĐG,

người đại diện di sản thừa kế của chủ TTK/HĐTĐ) phải **trực tiếp** đến bất kỳ ĐVKD nào của ABBank thực hiện thủ tục thông báo đối với TTK/HĐTĐ bị mất/không còn nguyên vẹn và cung cấp hồ sơ theo yêu cầu của ABBank.

15.2 ABBank lập *Đề nghị xác nhận/hủy xác nhận mất/không còn nguyên vẹn TTK/HĐTĐ* cho Khách hàng.

15.3 Giấy *Đề nghị xác nhận/hủy xác nhận mất/không còn nguyên vẹn TTK/HĐTĐ* có giá trị pháp lý tương đương như TTK/HĐTĐ và thay thế cho TTK/HĐTĐ khi KH thực hiện các giao dịch tại ABBank.

15.4 Trong trường hợp Khách hàng không thông báo về việc TTK bị mất/không còn nguyên vẹn, Khách hàng hoàn toàn chịu trách nhiệm đối những thiệt hại phát sinh và ABBank có quyền từ chối thực hiện giao dịch và không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan tới giao dịch tiền gửi.

16. Phí giao dịch tiền gửi cá nhân

Áp dụng theo biểu phí do ABBank quy định trong từng thời kỳ.

II. QUY ĐỊNH KHÁC

1. Các trường hợp phát sinh

Các trường hợp phát sinh khác chưa được đề cập trong các nội dung trên, ABBank sẽ giải quyết theo các quy định khác hiện hành có liên quan của ABBank ban hành từng thời kỳ hoặc theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và của Pháp luật.